

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh sách tổ chức giám định tư pháp công lập, tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc, giám định viên tư pháp, người giám định tư pháp theo vụ việc và hủy bỏ công nhận người giám định tư pháp theo vụ việc trên địa bàn tỉnh Gia Lai

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Giám định tư pháp ngày 26 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giám định tư pháp ngày 10 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 85/2013/NĐ-CP ngày 29/7/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Giám định tư pháp;

Căn cứ Nghị định số 157/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 85/2013/NĐ-CP ngày 29/7/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Giám định tư pháp;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số 172/TTr-STP ngày 31 tháng 12 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận Danh sách 02 tổ chức giám định tư pháp công lập, 13 tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc, 193 giám định viên tư pháp, 108 người giám định tư pháp theo vụ việc và hủy bỏ công nhận 11 người giám định tư pháp theo vụ việc trên địa bàn tỉnh Gia Lai (có phụ lục danh sách kèm theo).

Điều 2. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 1844/QĐ-UBND ngày 18 tháng 9 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai về việc công bố Danh sách giám định viên tư pháp, tổ chức giám định tư pháp công lập, người giám định tư pháp theo vụ việc và tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tư pháp, Thủ trưởng các sở, ban ngành thuộc tỉnh và các giám định viên tư pháp, người

giám định tư pháp theo vụ việc, tổ chức giám định tư pháp công lập và tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc và các ông, bà có tên trong danh sách tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./

Nơi nhận:

- Như khoản 2 Điều 2;
- Bộ Tư pháp;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, C3.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Hữu Quế

PHỤ LỤC 1
DANH SÁCH TỔ CHỨC GIÁM ĐỊNH TƯ PHÁP CÔNG LẬP
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH GIA LAI

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng 01 năm 2026 của UBND tỉnh Gia Lai)

STT	Tên tổ chức	Lĩnh vực giám định	Địa chỉ trụ sở/Điện thoại liên hệ	Ghi chú
01	Trung tâm Pháp y tỉnh Gia Lai	Pháp y	Cơ sở 1: 106 Nguyễn Huệ, phường Quy Nhơn, tỉnh Gia Lai (SĐT: 02563824232) Cơ sở 2: 61 Phan Đình Phùng, phường Pleiku, tỉnh Gia Lai	
02	Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Gia Lai	Kỹ thuật hình sự, Pháp y	Cơ sở 1: 68B Hàn Mặc Tử, phường Quy Nhơn Nam, tỉnh Gia Lai (SĐT: 0905542288) Cơ sở 2: 07 Lý Thái Tổ, phường Diên Hồng, tỉnh Gia Lai - 09 Nguyễn Thiện Thuật, phường Diên Hồng, tỉnh Gia Lai (SĐT: 0869379479)	

PHỤ LỤC 2
DANH SÁCH TỔ CHỨC GIÁM ĐỊNH TƯ PHÁP THEO VỤ VIỆC
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH GIA LAI

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng 01 năm 2026 của UBND tỉnh Gia Lai)

STT	Tên tổ chức	Lĩnh vực giám định	Địa chỉ trụ sở/ Điện thoại liên hệ	Họ tên người đứng đầu tổ chức	Ghi chú
I. Sở Tài chính					
01	Sở Tài chính	Tài chính	181-183 Lê Hồng Phong, phường Quy Nhơn, tỉnh Gia Lai	Trần Cang - Giám đốc	
02	Trung tâm xúc tiến đầu tư tỉnh Gia Lai	Xúc tiến đầu tư	181-183 Lê Hồng Phong, phường Quy Nhơn, tỉnh Gia Lai	Nguyễn Bay - Giám đốc (Đơn vị trực thuộc Sở Tài chính)	
II. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch					
03	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Số 35 Lê Lợi, phường Quy Nhơn, tỉnh Gia Lai	Đỗ Thị Diệu Hạnh - Giám đốc	
III. Sở Xây dựng					

STT	Tên tổ chức	Lĩnh vực giám định	Địa chỉ trụ sở/ Điện thoại liên hệ	Họ tên người đứng đầu tổ chức	Ghi chú
04	Sở Xây dựng	Xây dựng - Giao thông vận tải	Số 08 Lê Thánh Tôn, phường Quy Nhơn, tỉnh Gia Lai SĐT: 02693824428	Nguyễn Trường Sơn – Giám đốc	Giao thông vận tải
05	Trung tâm Quy hoạch và Giám định xây dựng	- Khảo sát xây dựng - Thiết kế quy hoạch - Tư vấn xây dựng - Kiểm định chất lượng công trình	Tổ 15, phường Pleiku, tỉnh Gia Lai SĐT: 0914138477	Huỳnh Tuấn Anh – Phó Giám đốc phụ trách	Đơn vị trực thuộc Sở Xây dựng
06	Trung tâm Quy hoạch và Kiểm định xây dựng	- Khảo sát địa hình - Thiết kế quy hoạch - Thiết kế, thẩm tra, giám sát công trình dân dụng, công nghiệp và hạ tầng kỹ thuật	505 Trần Hưng Đạo, phường Quy Nhơn, tỉnh Gia Lai SĐT: 0903520205	Phan Thế Cường – Giám đốc	Đơn vị trực thuộc Sở Xây dựng
IV. Sở Khoa học và Công nghệ					
07	Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Gia Lai	Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Gia Lai	Cơ sở 1: Số 38 Trường Chinh, phường Quy Nhơn, tỉnh Gia Lai	Trần Kim Kha – Giám đốc	Khoa học và Công nghệ

STT	Tên tổ chức	Lĩnh vực giám định	Địa chỉ trụ sở/ Điện thoại liên hệ	Họ tên người đứng đầu tổ chức	Ghi chú
			SĐT: 02563520266 Cơ sở 2: Số 98B Phạm Văn Đồng, phường Pleiku, tỉnh Gia Lai, SĐT: 02693824264		
V. Lĩnh vực Thi hành án dân sự					
08	Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai	Thi hành án dân sự	21 Nguyễn Văn, phường Quy Nhơn Nam, tỉnh Gia Lai	Nguyễn Xuân Hồng – Trưởng THADS tỉnh Gia Lai	
VI. Sở Nông nghiệp và Môi trường					
09	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Trồng trọt và Bảo vệ thực vật, Lâm nghiệp, Thủy lợi, Thủy sản, Chăn nuôi và Thú y	Số 77 Lê Hồng Phong, phường Quy Nhơn, tỉnh Gia Lai	Cao Thanh Thương – Giám đốc Sở	Trồng trọt và Bảo vệ thực vật, Lâm nghiệp, Thủy lợi, Thủy sản, Chăn nuôi và Thú y
10	Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Gia Lai	Đất đai	Số 236 Phạm Văn Đồng, phường Thống Nhất, tỉnh Gia Lai	Đặng Hữu Bình – Giám đốc	Đất đai

STT	Tên tổ chức	Lĩnh vực giám định	Địa chỉ trụ sở/ Điện thoại liên hệ	Họ tên người đứng đầu tổ chức	Ghi chú
11	Trung tâm Quan trắc tài nguyên và môi trường	Quan trắc tổng hợp phục vụ trực tiếp cho công tác quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường	Số 174 Trần Hưng Đạo, phường Quy Nhơn, tỉnh Gia Lai	Nguyễn Thị Thanh Hương – Giám đốc	Quan trắc tổng hợp phục vụ trực tiếp cho công tác quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường
12	Trung tâm Quy hoạch nông nghiệp và môi trường	Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản, thủy lợi và môi trường	Số 450 Nguyễn Thị Minh Khai, phường Quy Nhơn Nam, tỉnh Gia Lai	Dương Xuân Dũng – Giám đốc	Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản, thủy lợi và môi trường
VII. Lĩnh vực Xây dựng					
13	Công ty TNHH tư vấn thiết kế và xây dựng Huy Hoàng	Số đăng ký kinh doanh: 4100537074 do Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp ngày 23/6/2004	67 Y Lan, phường Quy Nhơn, tỉnh Gia Lai Điện thoại: 02563 822 47 - 02563 382 257	Công ty TNHH tư vấn thiết kế và xây dựng Huy Hoàng	1. Giám định tư pháp về sự tuân thủ các quy định của pháp luật về lập quy hoạch xây dựng (Đồ án quy hoạch do UBND cấp tỉnh, UBND cấp huyện phê duyệt). 2. Giám định tư

STT	Tên tổ chức	Lĩnh vực giám định	Địa chỉ trụ sở/ Điện thoại liên hệ	Họ tên người đứng đầu tổ chức	Ghi chú
					pháp về sự tuân thủ các quy định của pháp luật về hoạt động đầu tư xây dựng: Khảo sát địa hình (trừ lập quy hoạch, cấp công trình từ cấp III trở xuống); Thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng công trình: Dân dụng, nhà công nghiệp (cấp công trình từ cấp II trở xuống); Tư vấn giám sát công tác xây dựng công trình: Dân dụng cấp công trình từ cấp II trở xuống), nhà công nghiệp (cấp công trình từ cấp III trở xuống), hạ tầng kỹ

STT	Tên tổ chức	Lĩnh vực giám định	Địa chỉ trụ sở/ Điện thoại liên hệ	Họ tên người đứng đầu tổ chức	Ghi chú
					thuật (cấp nước, thoát nước; cấp công trình từ cấp II trở xuống); Tư vấn giám sát lắp đặt thiết bị vào công trình (cấp công trình từ cấp II trở xuống); Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình: Dân dụng, nhà công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật (Dự án từ nhóm B trở xuống). 3. Giám định tư pháp về chất lượng khảo sát địa hình (trừ lập quy hoạch, cấp công trình từ cấp III trở xuống). 4. Giám định tư pháp về chất lượng

STT	Tên tổ chức	Lĩnh vực giám định	Địa chỉ trụ sở/ Điện thoại liên hệ	Họ tên người đứng đầu tổ chức	Ghi chú
					thiết kế xây dựng công trình: Dân dụng, nhà công nghiệp (cấp công trình từ cấp II trở xuống). 5. Giám định nguyên nhân sự cố công trình xây dựng, nguyên nhân hư hỏng công trình xây dựng: Dân dụng, nhà công nghiệp (cấp công trình từ cấp II trở xuống).

PHỤ LỤC 3
DANH SÁCH GIÁM ĐỊNH VIÊN TƯ PHÁP TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH GIA LAI
(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng 01 năm 2026 của UBND tỉnh Gia Lai)

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Lĩnh vực giám định	Ngày, tháng, năm bổ nhiệm giám định viên tư pháp	Đơn vị công tác	Ghi chú
I. Lĩnh vực Pháp y, Pháp y tâm thần (32 giám định viên tư pháp)						
1	Nguyễn Mạnh Cường	05/5/1965	Pháp y	30/6/2009	Bệnh viện Đa khoa tỉnh Gia Lai	
2	Lê Thị Thúy Anh	08/7/1968	Pháp y	01/10/2010	Trung tâm Y tế Pleiku	
3	Tăng Văn Thành	12/02/1969	Pháp y	01/10/2010	Trung tâm Y tế Pleiku	
4	Nguyễn Thị Ngọc Huệ	02/02/1979	Pháp y	01/10/2010	Trung tâm Pháp y tỉnh Gia Lai	
5	Phạm Văn Nghiêm	16/10/1964	Pháp y	07/11/1998	Trung tâm Y tế Ia Grai	
6	Ngân Văn Thư	25/5/1972	Pháp y	07/01/2005	Trung tâm Y tế Ia Grai	
7	Nguyễn Văn Hùng	10/10/1965	Pháp y	23/4/2002	Trung tâm Y tế Đak Đoa	
8	Nghị Hồng Triều	21/01/1971	Pháp y	22/11/2006	Trung tâm Pháp y tỉnh Gia Lai	

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Lĩnh vực giám định	Ngày, tháng, năm bổ nhiệm giám định viên tư pháp	Đơn vị công tác	Ghi chú
9	Phan Công Kính	17/02/1969	Pháp y	14/10/2011	Trung tâm Y tế Mang Yang	
10	Đồng Văn Chín	16/10/1973	Pháp y	30/6/2009	Trung tâm Y tế Mang Yang	
11	Nguyễn Vĩnh Tiên	1971	Pháp y	23/10/2006	Trung tâm Y tế Đak Pơ	
12	Lê Hùng	05/3/1966	Pháp y	01/10/2010	Trung tâm Y tế Đak Pơ	
13	Nguyễn Như Tòng	15/5/1964	Pháp y	23/4/2002	Trung tâm Y tế An Khê	
14	Trần Đức Phương	15/10/1967	Pháp y	01/10/2010	Trung tâm Y tế An Khê	
15	Nguyễn Đình Dương	20/8/1976	Pháp y	30/6/2009	Trung tâm Y tế Kông Chro	
16	Đặng Thành Tá	02/3/1971	Pháp y	30/6/2009	Bệnh viện Đa khoa tỉnh Gia Lai	
17	Rmah Toan	20/10/1966	Pháp y	26/12/2006	Trung tâm Y tế Chư Sê	
18	Chu Thanh Hưng	20/8/1964	Pháp y	16/01/2007	Trung tâm Y tế Chư Sê	
19	Nguyễn Tấn Bi	1977	Pháp y	23/10/2006	Trung tâm Y tế Chư Prông	

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Lĩnh vực giám định	Ngày, tháng, năm bổ nhiệm giám định viên tư pháp	Đơn vị công tác	Ghi chú
20	Nguyễn Ngọc Sơn	12/8/1969	Pháp y	01/10/2010	Trung tâm Y tế Chư Prông	
21	Bùi Văn Quyết	23/01/1969	Pháp y	01/10/2010	Trung tâm Y tế Đức Cơ	
22	Nguyễn Văn Đang	20/11/1970	Pháp y	22/11/2006	Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm	
23	Võ Văn Đông	16/01/1974	Pháp y	14/7/2009	Trung tâm Y tế Đức Cơ	
24	Kpă Glen	08/10/1966	Pháp y	01/10/2010	Trung tâm Y tế Ia Pa	
25	Siu Tlú	1976	Pháp y	23/10/2006	Trung tâm Y tế Ia Pa	
26	Đồng Xuân Đức	16/10/1969	Pháp y	14/7/2009	Trung tâm Pháp y tỉnh Gia Lai	
27	Phạm Chí Quang	28/11/1973	Pháp y	14/7/2009	Trung tâm Y tế Phú Thiện	
28	Siu Blu	31/12/1971	Pháp y	14/7/2009	Trung tâm Y tế Phú Thiện	
29	Kpă Alin	31/12/1966	Pháp y	07/11/1998	Trung tâm Y tế Ayun Pa	
30	Lý Minh Thái	08/01/1974	Pháp y	01/10/2010	Sở Y tế	
31	Nguyễn Trà	20/4/1972	Pháp y	01/10/2010	Trung tâm Y tế Chư Păh	

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Lĩnh vực giám định	Ngày, tháng, năm bổ nhiệm giám định viên tư pháp	Đơn vị công tác	Ghi chú
32	Đồng Vĩnh Thanh	01/6/1969	Pháp y tâm thần	14/10/2011	Bệnh viện tâm thần kinh	
II. Lĩnh vực tài chính (26 giám định viên tư pháp)						
1	Lương Văn Hòa	20/5/1965	Kế toán	19/7/2021	Phòng Tài chính – Kế hoạch huyện Kbang (cũ)	Chuyển công tác
2	Lương Văn Thảo	19/01/1986	Kế toán	19/7/2021	Phòng Tài chính – Kế hoạch huyện Kbang (cũ)	Chuyển công tác
3	Nguyễn Văn Tiến	02/5/1984	Kế toán	19/7/2021	Phòng Tài chính – Kế hoạch huyện Chư Pưh (cũ)	Chuyển công tác
4	Ngôn Thị Oanh	22/9/1981	Kế toán – Kiểm toán	21/4/2023	Phòng Tài chính – Kế hoạch thành phố Pleiku (cũ)	Chuyển công tác
5	Trần Như Hoài Bảo	11/11/1973	Kế toán	05/6/2019	Phòng Tài chính – Kế hoạch thị xã Ayun Pa (cũ)	Chuyển công tác
6	Lã Toàn Thắng	27/4/1975	Kế toán	05/6/2019	Phòng Tài chính – Kế hoạch huyện Đức Cơ (cũ)	Chuyển công tác

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Lĩnh vực giám định	Ngày, tháng, năm bổ nhiệm giám định viên tư pháp	Đơn vị công tác	Ghi chú
7	Trần Thị Thúy	22/12/1977	Kế toán	05/6/2019	Phòng Tài chính – Kế hoạch huyện Chư Păh (cũ)	Chuyển công tác
8	Võ Quốc Trung	10/12/1966	Kế toán	05/6/2019	Phòng Tài chính – Kế hoạch huyện Phú Thiện (cũ)	Chuyển công tác
9	Phạm Đình Tứ	27/3/1981	Kế toán	05/6/2019	Phòng Tài chính – Kế hoạch huyện Krông Pa (cũ)	Chuyển công tác
10	Huỳnh Ngô Tùng Điệp	02/6/1977	Kế toán	05/6/2019	Phòng Tài chính – Kế hoạch huyện Ia Grai (cũ)	Chuyển công tác
11	Phạm Thị Mỹ Hạnh	26/01/1976	Kế toán	05/6/2019	Phòng Tài chính – Kế hoạch huyện Mang Yang (cũ)	Chuyển công tác
12	Nguyễn Văn Hải	05/3/1975	Kế toán	19/7/2019	Phòng Tài chính – Kế hoạch huyện Kông Chro (cũ)	Chuyển công tác

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Lĩnh vực giám định	Ngày, tháng, năm bổ nhiệm giám định viên tư pháp	Đơn vị công tác	Ghi chú
13	Trần Thị Thúy Vân	09/01/1983	Tài chính - Ngân hàng	19/7/2019	Phòng Tài chính – Kế hoạch thị xã An Khê (cũ)	Chuyển công tác
14	Đinh Hồng Thuật	02/6/1984	Tài chính - Ngân hàng	19/7/2019	Phòng Tài chính – Kế hoạch huyện Chư Sê (cũ)	Chuyển công tác
15	Nguyễn Thị Tuyết Nhưng	11/02/1979	Kế toán	19/7/2019	Phòng Tài chính – Kế hoạch huyện Đak Đoa (cũ)	Chuyển công tác
16	Nguyễn Trọng Dũng	23/01/1992	Kế toán	02/01/2024	Sở Tài chính	
17	Phạm Thị Thúy Hằng	13/6/1979	Kế toán	02/01/2024	Sở Tài chính	
18	Nguyễn Thị Minh Thảo	27/02/1990	Kế toán	02/01/2024	Phòng Tài chính – Kế hoạch huyện Chư Prông (cũ)	Chuyển công tác
19	Trần Thị Tường Vi	17/8/1992	Kế toán	02/01/2024	Phòng Tài chính – Kế hoạch huyện Chư Prông (cũ)	Chuyển công tác
20	Lê Thị Hồng Cường	30/9/1982	Kế toán	02/01/2024	Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện Đăk Pơ (cũ)	Chuyển công tác

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Lĩnh vực giám định	Ngày, tháng, năm bổ nhiệm giám định viên tư pháp	Đơn vị công tác	Ghi chú
21	Văn Bá Định	08/8/1980	Kế toán	02/01/2024	Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện Đức Cơ (cũ)	Chuyển công tác
22	Lê Thị Hoàng Oanh	02/02/1982	Kế toán	02/01/2024	Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện Đức Cơ (cũ)	Chuyển công tác
23	Lê Thị Hòa	22/3/1983	Kế toán	02/01/2024	Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện Ia Pa (cũ)	Chuyển công tác
24	Dương Thị Thu Thủy	25/11/1983	Kế toán	02/01/2024	Phòng Tài chính – Kế hoạch huyện Đak Đoa (cũ)	Chuyển công tác
25	Võ Quốc Vinh	12/3/1987	Tài chính khác	02/01/2024	Phòng Tài chính – Kế hoạch huyện Ia Grai (cũ)	Chuyển công tác
26	Lê Tiến Anh	18/7/1971	Kế hoạch - Đầu tư	17/8/2011	Sở Tài chính	
III. Lĩnh vực khoa học và công nghệ (04 giám định viên tư pháp)						
1	Phan Hồng Trường	21/4/1980	Khoa học & Công nghệ	17/8/2011	Sở Khoa học và Công nghệ	

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Lĩnh vực giám định	Ngày, tháng, năm bổ nhiệm giám định viên tư pháp	Đơn vị công tác	Ghi chú
2	Nguyễn Văn Huỳnh	21/9/1988	Kỹ sư công nghệ thông tin	22/11/2022	Sở Khoa học và Công nghệ	
3	Đặng Quang Khanh	01/3/1981	Công nghệ thông tin	30/6/2009	Sở Khoa học và Công nghệ	
4	Phan Đình Hiếu	20/6/1982	Công nghệ thông tin	29/10/2020	Sở Khoa học và Công nghệ	
IV. Lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường (70 giám định viên tư pháp)						
1	Nguyễn Thị Linh Chi	23/9/1964	Trồng trọt	30/6/2009	Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp Pleiku	Đã nghỉ hưu
2	Phạm Hữu Phước	05/4/1975	Thủy sản	04/6/2010	Trung tâm Giống thủy sản	Nghỉ hưu theo chế độ 178
3	Nguyễn Hồng Lâm	15/9/1968	Lâm nghiệp	26/11/2012	Chi cục Kiểm lâm	Chuyên công tác
4	Lương Năm	01/3/1969	Lâm nghiệp	26/11/2012	Văn phòng UBND tỉnh	Chuyển công tác khác

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Lĩnh vực giám định	Ngày, tháng, năm bổ nhiệm giám định viên tư pháp	Đơn vị công tác	Ghi chú
5	Phạm Văn Chương	06/5/1963	Thú y	04/6/2010	Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp An Khê	Đã chuyển công tác
6	Huỳnh Cao Thoại	16/02/1982	Lâm nghiệp	14/11/2017	Chi cục Kiểm lâm	Đã chuyển công tác
7	Nguyễn Văn Bửu	26/9/1987	Lâm nghiệp	14/11/2017	Chi cục Kiểm lâm	
8	Trương Văn Nam	25/3/1978	Lâm nghiệp	14/11/2017	Chi cục Kiểm lâm	
9	Nguyễn Minh Cường	25/6/1978	Lâm nghiệp	14/11/2017	Chi cục Kiểm lâm	
10	Nguyễn Thị Thùy Liên	29/4/1990	Kinh tế	03/9/2020	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	
11	Phạm Thị Chiên	27/5/1984	Thú y	03/9/2020	Chi cục Chăn nuôi và Thú y	
12	Trịnh Văn Cương	16/02/1980	Trồng trọt	03/9/2020	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	
13	Đào Phi Long	12/4/1979	Lâm nghiệp	03/9/2020	Chi cục Kiểm lâm	
14	Bùi Quốc Hà	30/5/1982	Lâm nghiệp	03/9/2020	Chi cục Kiểm lâm	
15	Đào Duy Tuấn	16/12/1976	Lâm nghiệp	03/9/2020	Chi cục Kiểm lâm	

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Lĩnh vực giám định	Ngày, tháng, năm bổ nhiệm giám định viên tư pháp	Đơn vị công tác	Ghi chú
16	Nguyễn Trường Lâm	02/8/1981	Lâm nghiệp	03/9/2020	Chi cục Kiểm lâm	
17	Nguyễn Anh Tuấn	14/6/1990	Lâm nghiệp	03/9/2020	Chi cục Kiểm lâm	
18	Trần Cao Linh	14/7/1980	Lâm nghiệp	03/9/2020	Chi cục Kiểm lâm	
19	Nguyễn Minh Huân	05/01/1979	Lâm nghiệp	03/9/2020	Chi cục Kiểm lâm	
20	Nguyễn Thành Huy	01/01/1986	Lâm nghiệp	03/9/2020	Chi cục Kiểm lâm	
21	Nguyễn Hùng	30/8/1983	Lâm nghiệp	03/9/2020	Chi cục Kiểm lâm	
22	Nguyễn Văn Quyến	11/6/1987	Lâm nghiệp	03/9/2020	Chi cục Kiểm lâm	
23	Hoàng Văn Tình	09/3/1986	Lâm nghiệp	03/9/2020	Chi cục Kiểm lâm	
24	Hoàng Anh Tuấn	13/4/1980	Lâm nghiệp	03/9/2020	Chi cục Kiểm lâm	
25	Ngô Văn Tân	05/01/1985	Lâm nghiệp	03/9/2020	Chi cục Kiểm lâm	
26	Nguyễn Mạnh Trường	08/8/1990	Lâm nghiệp	03/9/2020	Chi cục Kiểm lâm	Đã chuyển công tác
27	Đặng Việt Hùng	19/01/1977	Lâm nghiệp	03/9/2020	Chi cục Kiểm lâm	
28	Nguyễn Thị Thùy Dung	28/6/1981	Thú y	29/12/2020	Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp Pleiku	Đã chuyển công tác

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Lĩnh vực giám định	Ngày, tháng, năm bổ nhiệm giám định viên tư pháp	Đơn vị công tác	Ghi chú
29	Lê Thị Mỹ Dung	04/11/1978	Trồng trọt	29/12/2020	Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp Pleiku	
30	Phạm Anh Tuấn	23/10/1982	Trồng trọt	29/12/2020	Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện Đak Pơ (cũ)	Đã chuyển công tác
31	Trần Thị Minh Trung	01/01/1982	Thú y	29/12/2020	Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện Đak Pơ (cũ)	Đã chuyển công tác
32	Thủy Ngọc Tuấn	14/9/1985	Trồng trọt	29/12/2020	Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện Chư Pưh (cũ)	Đã chuyển công tác
33	Nguyễn Thanh Vũ	12/12/1984	Thú y	29/12/2020	Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp Chư Pưh	
34	Võ Văn Hưng	04/4/1965	Trồng trọt	29/12/2020	Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện Kông Chro (cũ)	Đã nghỉ hưu

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Lĩnh vực giám định	Ngày, tháng, năm bổ nhiệm giám định viên tư pháp	Đơn vị công tác	Ghi chú
35	Nguyễn Như Khoa	10/02/1987	Trồng trọt	29/12/2020	Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Mang Yang (cũ)	Chuyển công tác
36	Nguyễn Văn Tỳ	20/10/1989	Thú y	29/12/2020	Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp Mang Yang	
37	Đinh Xuân Duyên	28/02/1962	Thú y	29/12/2020	Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện Krông Pa (cũ)	Đã nghỉ hưu
38	Lê Quang Nhân Trí	13/10/1987	Trồng trọt	29/12/2020	Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Chư Prông (cũ)	Đã chuyển công tác
39	Rmah Binh	22/5/1989	Thú y	29/12/2020	Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp Chư Prông	
40	Kpă Grôk	13/12/1980	Trồng trọt	29/12/2020	Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Phú Thiện (cũ)	Đã chuyển công tác

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Lĩnh vực giám định	Ngày, tháng, năm bổ nhiệm giám định viên tư pháp	Đơn vị công tác	Ghi chú
41	Nguyễn Thị Thu Hiệp	27/6/1989	Thú y	29/12/2020	Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp Phú Thiện	
42	Nguyễn Văn Hợp	20/8/1970	Trồng trọt	29/12/2020	Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện Chư Sê (cũ)	Đã chuyển công tác
43	Trương Thị Tường Vy	28/4/1989	Thú y	29/12/2020	Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện Chư Sê (cũ)	Đã chuyển công tác
44	Lê Tấn Hùng	18/8/1975	Trồng trọt	29/12/2020	Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện Đak Đoa (cũ)	Đã chuyển công tác
45	Nguyễn Thị Nở	20/11/1985	Thú y	29/12/2020	Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện Đak Đoa (cũ)	Đã chuyển công tác
46	Lê Văn Tới	20/01/1989	Trồng trọt	29/12/2020	Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện Ia Pa (cũ)	Đã chuyển công tác

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Lĩnh vực giám định	Ngày, tháng, năm bổ nhiệm giám định viên tư pháp	Đơn vị công tác	Ghi chú
47	Phạm Thị Thu Hằng	18/3/1976	Thú y	29/12/2020	Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện Ia Grai (cũ)	Đã chuyển công tác
48	Đinh Thị Thanh Bình	12/3/1987	Trồng trọt	29/12/2020	Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện Kbang (cũ)	Đã chuyển công tác
49	Trần Quang Hiệu	15/10/1982	Trồng trọt	10/8/2021	Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp An Khê	
50	Đỗ Thành Tân	07/6/1984	Thú y	10/8/2021	Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp An Khê	
51	Rah Lan Trục	06/8/1990	Thú y	10/8/2021	Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp Ia Pa	
52	Vũ Hồng Anh	05/9/1977	Trồng trọt	10/8/2021	Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp Đức Cơ	
53	Rơ Châm Phiép	24/12/1989	Thú y	10/8/2021	Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp Đức Cơ	

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Lĩnh vực giám định	Ngày, tháng, năm bổ nhiệm giám định viên tư pháp	Đơn vị công tác	Ghi chú
54	Trương Thị Thiên Lý	27/12/1982	Thú y	10/8/2021	Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp Đak Pơ	
55	Nguyễn Thị Thủy	16/3/1989	Trồng trọt	10/8/2021	Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp Đak Pơ	
56	Võ Xuân Thịnh	10/01/1989	Trồng trọt	10/8/2021	Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp Ia Grai	
57	Lê Hữu Quang	21/01/1980	Trồng trọt	10/8/2021	Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp Ia Grai	
58	Bùi Thị Hà	12/10/1987	Trồng trọt	10/8/2021	Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp Chư Păh	
59	Phùng Thị Thảo	10/10/1982	Chăn nuôi - Thú y	10/8/2021	Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp Chư Păh	
60	Phan Đình Hân	20/5/1984	Chăn nuôi - Thú y	10/8/2021	Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp Kbang	
61	Đào Huy Lộc	20/4/1978	Trồng trọt	10/8/2021	Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp Ayun Pa	

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Lĩnh vực giám định	Ngày, tháng, năm bổ nhiệm giám định viên tư pháp	Đơn vị công tác	Ghi chú
62	Phạm Thị Hồng Hoa	20/5/1983	Thú y	10/8/2021	Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp Ayun Pa	
63	Nguyễn Thị Thanh Hương	10/9/1971	Môi trường	31/5/2012	Sở Nông nghiệp và Môi trường	
64	Phạm Ngọc Chung	17/01/1974	Đất đai	30/10/2023	Sở Nông nghiệp và Môi trường	
65	Lê Phi Hùng	16/3/1983	Đất đai	30/10/2023	Sở Nông nghiệp và Môi trường	
66	Văn Anh Việt	25/4/1983	Đất đai	30/10/2023	Sở Nông nghiệp và Môi trường	
67	Trịnh Hữu Tùng	03/8/1974	Đất đai	30/10/2023	Văn phòng đăng ký đất đai	
68	Tạ Văn Thân	04/01/1981	Khoáng sản	30/10/2023	Sở Nông nghiệp và Môi trường	
69	Lê Thị Hồng Quyên	21/10/1981	Môi trường	30/10/2023	Chi cục Bảo vệ môi trường – Sở Nông nghiệp và Môi trường	

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Lĩnh vực giám định	Ngày, tháng, năm bổ nhiệm giám định viên tư pháp	Đơn vị công tác	Ghi chú
70	Phạm Tấn Cường	18/8/1983	Môi trường	30/10/2023	Chi cục Bảo vệ môi trường – Sở Nông nghiệp và Môi trường	
V	Lĩnh vực Xây dựng (19 giám định viên tư pháp)					
1	Đỗ Lê Sơn	27/9/1976	Xây dựng cầu đường	09/11/2022	Sở Xây dựng	Chuyển công tác
2	Hoàng Nguyên Lưu	26/02/1984	Xây dựng cầu đường	09/11/2022	Sở Xây dựng	
3	Dương Phú Thịnh	16/10/1978	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	09/11/2022	Sở Xây dựng	
4	Kpă Hoàng Như Ý	27/7/1983	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	09/11/2022	Sở Xây dựng	

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Lĩnh vực giám định	Ngày, tháng, năm bổ nhiệm giám định viên tư pháp	Đơn vị công tác	Ghi chú
5	Lê Minh Thịnh	03/8/1983	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	09/11/2022	Sở Xây dựng	
6	Lê Minh Trí	02/9/1988	Cơ khí	09/11/2022	Sở Xây dựng	
7	Trần Thái Kiên	17/02/1987	Cơ khí	09/11/2022	Sở Xây dựng	
8	Nguyễn Trung Sơn	09/02/1978	Cơ khí	09/11/2022	Sở Xây dựng	
9	Võ Ngọc Hải	15/10/1989	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	09/11/2022	Sở Xây dựng	Đã chuyển công tác
10	Hà Anh Thái	12/5/1971	Xây dựng cầu đường	09/4/2010	Sở Xây dựng	Không đăng ký do bận công tác
11	Tăng Xuân Kiên	10/8/1965	Cơ khí sửa chữa ô tô	09/4/2010	Sở Xây dựng	Đã nghỉ hưu

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Lĩnh vực giám định	Ngày, tháng, năm bổ nhiệm giám định viên tư pháp	Đơn vị công tác	Ghi chú
12	Lê Ngọc Hữu	25/9/1970	Động lực học	09/4/2010	Sở Xây dựng	Xin nghỉ hưu từ 01/9/2025
13	Đặng Hoàng Bảo	07/12/1976	Cơ khí chuyên dùng	09/4/2010	Sở Xây dựng	
14	Nguyễn Hồng Minh	10/10/1968	Xây dựng	19/7/2021	Sở Xây dựng	Đã nghỉ hưu ngày 01/7/2025
15	Trần Ngọc Đức	02/5/1973	Xây dựng	30/6/2009	Sở Xây dựng	Đã nghỉ hưu ngày 01/7/2025
16	Đào Minh Tuyên	07/7/1975	Xây dựng	19/7/2021	Sở Xây dựng	Đã đăng ký nghỉ thôi việc 01/9/2025
17	Hoàng Anh Tuấn	22/7/1984	Xây dựng	19/7/2021	Sở Xây dựng	Không đăng ký do

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Lĩnh vực giám định	Ngày, tháng, năm bổ nhiệm giám định viên tư pháp	Đơn vị công tác	Ghi chú
						bận công tác
18	Phan Văn Cường	01/8/1975	Xây dựng	19/7/2021	Sở Xây dựng	Đã chuyển công tác
19	Nguyễn Ngọc Trung	25/10/1975	Xây dựng	19/7/2021	Sở Xây dựng	Đã chuyển công tác
VI. Lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch (02 giám định viên tư pháp)						
1	Bùi Huy Phúc	23/9/1985	Thông tin – Truyền thông	04/3/2020	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	
2	Lê Văn Anh	26/5/1981	Báo chí	29/10/2020	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	
VII. Lĩnh vực kỹ thuật hình sự (40 giám định viên tư pháp)						
1	Võ Đình Tài	16/8/1983	Đường vân	26/9/2014	Công an tỉnh	
2	Nguyễn Minh Tâm	01/12/1983	Hóa học; Cháy nổ	18/8/2016; 28/06/2017	Công an tỉnh	

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Lĩnh vực giám định	Ngày, tháng, năm bổ nhiệm giám định viên tư pháp	Đơn vị công tác	Ghi chú
3	Nguyễn Thành Long	16/6/1988	Dấu vết đường vân	10/8/2015	Công an tỉnh	
4	Nguyễn Trọng Dũng	08/8/1988	Súng, đạn; Cơ học	10/08/2015; 12/12/2018	Công an tỉnh	
5	Bùi Sĩ Thà	24/4/1982	Hóa học	10/8/2015	Công an tỉnh	
6	Giang Như Ba	13/6/1986	Pháp y; Sinh học	25/4/2016; 18/8/2016	Công an tỉnh	
7	Phạm Xuân Phượng	14/9/1985	Tài liệu	27/6/2018	Công an tỉnh	
8	Nguyễn Tiến Huy	19/12/1990	Tài liệu	27/6/2018	Công an tỉnh	
9	Nguyễn Đức Trọng	11/10/1990	Pháp y	04/01/2018	Công an tỉnh	
10	Trần Văn Độ	20/10/1968	Tài liệu	18/8/2016	Công an tỉnh	
11	Hồ Đình Công	21/02/1974	Hóa học	18/8/2016	Công an tỉnh	
12	Lê Tiến Long	16/5/1978	Đường vân	11/02/2010	Công an tỉnh	

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Lĩnh vực giám định	Ngày, tháng, năm bổ nhiệm giám định viên tư pháp	Đơn vị công tác	Ghi chú
13	Nguyễn Đức Huy	30/5/1981	Cơ học; Kỹ thuật	05/09/2012; 27/10/2020	Công an tỉnh	
14	Nguyễn Văn Thư	10/8/1981	Tài liệu	05/9/2012	Công an tỉnh	
15	Lê Thị Minh Tâm	30/5/1981	Tài liệu	05/9/2012	Công an tỉnh	
16	Trần Minh Duy	03/8/1989	Sinh học	12/12/2018	Công an tỉnh	
17	Nguyễn Quang Đạo	26/4/1989	Tài liệu	27/10/2020	Công an tỉnh	
18	Lương Văn Tín	03/8/1989	Pháp y	15/6/2022	Công an tỉnh	
19	Nguyễn Văn Quỳnh	22/7/1983	Đường vân; Cơ học	19/02/2014; 27/10/2020	Công an tỉnh	
20	Nguyễn Thế Minh	15/02/1996	Pháp y	11/9/2024	Công an tỉnh	
21	Nguyễn Tất Nhân	20/01/1996	Pháp y	11/9/2024	Công an tỉnh	
22	Nguyễn Văn Tuyền	28/02/1973	Kỹ thuật	14/11/2005	Công an tỉnh	
23	Thân Trọng Tuấn	25/12/1975	Hoá học	14/11/2005	Công an tỉnh	

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Lĩnh vực giám định	Ngày, tháng, năm bổ nhiệm giám định viên tư pháp	Đơn vị công tác	Ghi chú
24	Lê Thị Thu Tĩnh	30/5/1973	Tài liệu	10/11/2021	Công an tỉnh	
25	Đoàn Thanh Hùng	30/9/1976	Tài liệu, Dấu vết học	24/12/2017 16/9/2015	Công an tỉnh	
26	Đặng Đình Nguyên	27/7/1974	Cháy, nổ	24/12/2007	Công an tỉnh	
27	Lê Thị Thanh Thảo	06/3/1979	Dấu vết đường vân, Tài liệu	14/11/2005 16/9/2015	Công an tỉnh	
28	Lê Tuấn Tịnh	13/3/1986	Hoá học	21/9/2016	Công an tỉnh	
29	Ngô Thị Thùy Dương	20/10/1979	Tài liệu, Dấu vết, Đường vân, Kỹ thuật số và điều tra	05/9/2011 16/9/2015 10/6/2020	Công an tỉnh	
30	Nguyễn Nhựt Phước	17/12/1988	Tài liệu	24/5/2016	Công an tỉnh	
31	Nguyễn Thị Bích Hạnh	25/5/1983	Hoá học	21/10/2011	Công an tỉnh	
32	Trần Thị Trúc Quỳnh	25/12/1986	Sinh học, Tài liệu	16/9/2015 10/6/2020	Công an tỉnh	
33	Lê Tuấn Tú	24/8/1986	Dấu vết, Cơ học	05/7/2022	Công an tỉnh	

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Lĩnh vực giám định	Ngày, tháng, năm bổ nhiệm giám định viên tư pháp	Đơn vị công tác	Ghi chú
34	Nguyễn Thị Ái Phương	01/11/1991	Tài liệu	05/7/2022	Công an tỉnh	
35	Nguyễn Thành Mãi	20/8/1988	Dấu vết, Đường vân	10/6/2020	Công an tỉnh	
36	Nguyễn Thành Trung	21/10/1992	Sinh học	27/3/2021	Công an tỉnh	
37	Lê Trần Thu Thảo	03/9/1995	Tài liệu	30/12/2024	Công an tỉnh	
38	Nguyễn Hoài Phúc	08/11/1985	Sinh học	16/9/2015	Công an tỉnh	
39	Nguyễn Bảo Xuyên	10/3/1996	Pháp y	25/4/2025	Công an tỉnh	
40	Phan Quang Tú	02/4/1997	Pháp y	25/4/2025	Công an tỉnh	

PHỤ LỤC 4
DANH SÁCH NGƯỜI GIÁM ĐỊNH TƯ PHÁP THEO VỤ VIỆC TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH GIA LAI
(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng 01 năm 2026 của UBND tỉnh Gia Lai)

	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Lĩnh vực giám định	Đơn vị công tác	Ghi chú
I	Lĩnh vực Bảo hiểm xã hội (03 người giám định tư pháp theo vụ việc)				
1	Trần Ngọc Tuấn	26/10/1972	Quản lý thu BHXH, BHYT, BHTN	Bảo hiểm xã hội tỉnh Gia Lai	
2	Lê Tiến Mạnh	20/11/1966	Giải quyết chế độ BHXH	Bảo hiểm xã hội tỉnh Gia Lai	
3	Đỗ Thị Bích Hợp	12/12/1971	Giám định BHYT	Bảo hiểm xã hội tỉnh Gia Lai	
II	Lĩnh vực Tư pháp (06 người giám định tư pháp theo vụ việc)				
1	Lê Kim Chinh	04/8/1970	Văn bản quy phạm pháp luật	Sở Tư pháp	
2	Tôn Thanh Xuân	19/3/1970	Công chứng, chứng thực	Sở Tư pháp	
3	Mai Hữu Hòa	02/7/1968	Công chứng	Sở Tư pháp	
4	Phan Quang Dũng	26/11/1977	Công chứng	Sở Tư pháp	
5	Đặng Thị Ngọc Uyên	05/4/1974	Đấu giá tài sản	Sở Tư pháp	

6	Trần Đình Thiện Nhân	04/01/1979	Đầu giá tài sản	Sở Tư pháp	
III	Lĩnh vực khoa học và công nghệ (07 người giám định tư pháp theo vụ việc)				
1	Huỳnh Xuân Trường	13/10/1978	Sinh học, công nghệ sinh học	Sở Khoa học và Công nghệ	
2	Nguyễn Minh Thảo	19/11/1976	Thông tin và Truyền thông	Sở Khoa học và Công nghệ	
4	Trần Quang Triết	29/6/1979	Bưu chính viễn thông	Sở Khoa học và Công nghệ	
5	Trần Ngọc Vinh	07/01/1981	Công nghệ thông tin	Sở Khoa học và Công nghệ	
6	Đinh Hùng Tuấn	01/02/1981	Điện tử viễn thông	Sở Khoa học và Công nghệ	
7	Nguyễn Thanh Sang	11/10/1989	Công nghệ thông tin	Sở Khoa học và Công nghệ	
IV	Lĩnh vực Văn hóa, Thể thao và Du lịch (04 người giám định tư pháp theo vụ việc)				
1	Nguyễn Trọng Quỳnh	28/7/1978	Văn hóa	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	
2	Huỳnh Hiệp An	05/8/1972	Âm nhạc	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	
3	Nguyễn Thị Kim Chung	30/01/1977	Du lịch	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	

4	Trần Thị Thu Thủy	10/10/1982	Du lịch	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	
V	Lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường (15 người giám định tư pháp theo vụ việc)				
1	Huỳnh Ngọc Diệp	20/6/1972	Chăn nuôi	Sở Nông nghiệp và Môi trường	
2	Nguyễn Thế Nghi	15/12/1980	Lâm nghiệp	Sở Nông nghiệp và Môi trường	
3	Trần Quang Sang	10/9/1989	Nuôi trồng thủy sản	Sở Nông nghiệp và Môi trường	
4	Nguyễn Thành Phước	10/4/1989	Tàu cá	Sở Nông nghiệp và Môi trường	
5	Bùi Anh Kiệt	08/10/1987	Thủy lợi	Sở Nông nghiệp và Môi trường	
6	Trần Đình Chương	17/9/1974	Quản lý tài nguyên khoáng sản	Sở Nông nghiệp và Môi trường	
7	Trương Bá Vinh	20/10/1980	Quản lý tài nguyên khoáng sản	Sở Nông nghiệp và Môi trường	
8	Võ Thị Thắm	24/10/1984	Công nghệ môi trường	Sở Nông nghiệp và Môi trường	
9	Phạm Thị Thùy Dung	14/02/1983	Công nghệ môi trường	Sở Nông nghiệp và Môi trường	

10	Đặng Trần Tuấn	25/6/1978	Quản lý tài nguyên và môi trường	Sở Nông nghiệp và Môi trường	
11	Hồ Văn Hiệp	04/7/1983	Tài nguyên nước	Sở Nông nghiệp và Môi trường	
12	Nguyễn Việt Cường	02/7/1978	Khoa học môi trường, công nghệ môi trường, biến đổi khí hậu	Sở Nông nghiệp và Môi trường	
13	Trần Đình Trung	03/10/1981	Khoa học môi trường, quản lý môi trường	Sở Nông nghiệp và Môi trường	
14	Nhữ Thị Hoàng Yến	10/6/1979	Khoa học môi trường, quản lý môi trường	Sở Nông nghiệp và Môi trường	
15	Đào Hữu Quốc	25/01/1984	Công nghệ môi trường	Sở Nông nghiệp và Môi trường	
VI	Lĩnh vực Công thương (02 người giám định tư pháp theo vụ việc)				
1	Bùi Thanh Phụng	13/10/1979	Kỹ thuật an toàn - Môi trường	Sở Công Thương	
2	Nguyễn Ngọc Sang	24/5/1984	Quản lý năng lượng	Sở Công Thương	
VII	Lĩnh vực tài chính (34 người giám định tư pháp theo vụ việc)				
1	Phạm Việt Linh	02/6/1976	Kế toán kiểm toán; Tài chính ngân sách	Phòng Quản lý ngân sách, Sở Tài chính	
2	Lê Quang Nghĩa	10/4/1981	Tài chính đầu tư	Phòng Tài chính đầu tư và Đấu thầu, Sở Tài chính	

3	Trần Thái Dũng	10/7/1982	Lĩnh vực giá – Công sản	Phòng Quản lý giá và Công sản, Sở Tài chính	
4	Tạ Vương Thảo Dung	03/12/1973	Tài chính đầu tư	Sở Tài chính	
5	Nguyễn Thị Bình	10/12/1982	Tài chính đầu tư	Phòng Tổng hợp, Sở Tài chính	
6	Phan Văn Toàn	24/12/1983	Tài chính đầu tư	Phòng Tổng hợp, Sở Tài chính	
7	Nguyễn Trọng Dũng	23/01/1992	Tài chính ngân sách	Phòng Quản lý ngân sách, Sở Tài chính	
8	Phù Thị Xuân Dương	17/02/1983	Tài chính ngân sách	Phòng Quản lý ngân sách, Sở Tài chính	
9	Trần Thị Tú Trinh	03/4/1987	Tài chính ngân sách	Phòng Quản lý ngân sách, Sở Tài chính	
10	Lê Thị Thu Hiền	02/10/1980	Tài chính ngân sách	Phòng Quản lý ngân sách, Sở Tài chính	
11	Phạm Thị Thuý Hằng	13/6/1979	Tài chính ngân sách	Phòng Quản lý ngân sách, Sở Tài chính	
12	Trần Văn Quý	12/9/1990	Tài chính ngân sách	Phòng Quản lý ngân sách, Sở Tài chính	
13	Nguyễn Duy Cường	20/01/1985	Tài chính ngân sách	Phòng Quản lý ngân sách, Sở Tài chính	

14	Võ Thị Linh	13/12/1984	Kế toán Tài chính hành chính sự nghiệp	Phòng Tài chính hành chính sự nghiệp, Sở Tài chính	
15	Nguyễn Ngọc Thu	20/7/1971	Kế toán Tài chính hành chính sự nghiệp	Phòng Tài chính hành chính sự nghiệp, Sở Tài chính	
16	Huỳnh Văn Triều	26/12/1990	Kế toán Tài chính hành chính sự nghiệp	Phòng Tài chính hành chính sự nghiệp, Sở Tài chính	
17	Hồ Thị Mỹ Hạnh	14/12/1989	Kế toán Tài chính hành chính sự nghiệp	Phòng Tài chính hành chính sự nghiệp, Sở Tài chính	
18	Phạm Minh Tiến	26/8/1976	Lĩnh vực giá – Công sản	Phòng Quản lý giá và Công sản, Sở Tài chính	
19	Trần Thái Dũng	10/7/1982	Lĩnh vực giá – Công sản	Phòng Quản lý giá và Công sản, Sở Tài chính	
20	Võ Thị Mộng Thu	02/12/1989	Lĩnh vực giá – Công sản	Phòng Quản lý giá và Công sản, Sở Tài chính	
21	Nguyễn Thị Minh Châu	15/3/1993	Lĩnh vực giá – Công sản	Phòng Quản lý giá và Công sản, Sở Tài chính	

22	Mai Thị Quỳnh Giao	04/01/1989	Lĩnh vực giá – Công sản	Phòng Quản lý giá và Công sản, Sở Tài chính	
23	Lê Thị Kiều Trinh	07/8/1973	Tài chính đầu tư	Phòng Tài chính đầu tư và Đấu thầu, Sở Tài chính	
24	Lê Trọng Tôn	07/3/1985	Tài chính đầu tư	Phòng Tài chính đầu tư và Đấu thầu, Sở Tài chính	
25	Tôn Đức Thịnh	01/11/1969	Tài chính đầu tư	Phòng Tài chính đầu tư và Đấu thầu, Sở Tài chính	
26	Đoàn Thế Hải	17/5/1978	Tài chính đầu tư	Phòng Tài chính đầu tư và Đấu thầu, Sở Tài chính	
27	Hồ Sĩ Bồ	08/02/1979	Tài chính đầu tư	Phòng Quản lý ngành, Sở Tài chính	
28	Trần Mạnh Hùng	08/3/1977	Tài chính đầu tư	Phòng Quản lý ngành, Sở Tài chính	
29	Nguyễn Chí Nghĩa	10/8/1989	Tài chính đầu tư	Phòng Quản lý ngành, Sở Tài chính	
30	Võ Văn Nhon	13/02/1979	Tài chính đầu tư	Phòng Quản lý ngành, Sở Tài chính	

31	Trần Anh Tuấn	01/11/1983	Tài chính doanh nghiệp	Phòng Doanh nghiệp và Kinh tế tập thể, Sở Tài chính	
32	Mai Hữu Lợi	22/12/1985	Tài chính doanh nghiệp	Phòng Doanh nghiệp và Kinh tế tập thể, Sở Tài chính	
33	Nguyễn Thị Huyền Trang	29/4/1991	Tài chính doanh nghiệp	Phòng Doanh nghiệp và Kinh tế tập thể, Sở Tài chính	
34	Nguyễn Thị Cẩm Tú	07/02/1995	Tài chính doanh nghiệp	Phòng Doanh nghiệp và Kinh tế tập thể, Sở Tài chính	
VIII	Lĩnh vực Xây dựng (36 người giám định tư pháp theo vụ việc)				
1	Phạm Ngọc Ân	10/10/1980	Xây dựng cầu hầm	Sở Xây dựng	Không còn phụ trách lĩnh vực này
2	Diệp Thanh Tùng	19/10/1983	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	Sở Xây dựng	
3	Phan Thanh Tuấn	18/12/1983	Cơ khí động lực	Sở Xây dựng	
4	Phạm Đình Tiên	20/9/1984	Ô tô - máy động lực	Sở Xây dựng	
5	Nguyễn Vinh Thắng	20/12/1984	Xây dựng công trình giao thông	Sở Xây dựng	Chuyển công tác

6	Lê Thiện Thông	28/10/1979	Xây dựng công trình giao thông	Sở Xây dựng	Chuyên công tác qua Văn phòng Sở
7	Phan Thế Cường	17/8/1974	1. Giám định tư pháp về sự tuân thủ các quy định của pháp luật về hoạt động đầu tư xây dựng: Thiết kế cấp thoát nước công trình dân dụng; Thiết kế công trình hạ tầng kỹ thuật (cấp nước, thoát nước). 2. Giám định tư pháp về chất lượng thiết kế xây dựng công trình: Cấp thoát nước công trình dân dụng, hạ tầng kỹ thuật (cấp nước, thoát nước). 3. Giám định chất lượng công trình xây dựng, bộ phận công trình xây dựng; giám định nguyên nhân sự cố công trình xây dựng, nguyên nhân hư hỏng công trình xây dựng: Cấp thoát nước công trình dân dụng, hạ tầng kỹ thuật (cấp nước, thoát nước)	Trung tâm Quy hoạch và Kiểm định xây dựng - Sở Xây dựng	Cấp công trình từ cấp II trở xuống
8	Nguyễn Minh Hiếu	28/11/1976	1. Giám định tư pháp về sự tuân thủ các quy định của pháp luật về hoạt động đầu tư xây dựng: Giám sát công tác xây dựng công trình: Dân	Trung tâm Quy hoạch và Kiểm định xây dựng - Sở Xây dựng	Cấp công trình từ cấp II trở xuống

			dụng, nhà công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật; Thiết kế kết cấu công trình. 2. Giám định tư pháp về chất lượng thiết kế xây dựng công trình: Kết cấu công trình dân dụng, nhà công nghiệp. 83. Giám định chất lượng công trình xây dựng, bộ phận công trình xây dựng; giám định nguyên nhân sự cố công trình xây dựng, nguyên nhân hư hỏng công trình xây dựng: Kết cấu công trình dân dụng, nhà công nghiệp.		
9	Trần Viễn Trường	03/6/1978	1. Giám định tư pháp về sự tuân thủ các quy định của pháp luật về hoạt động đầu tư xây dựng công trình: Giám sát công tác xây dựng công trình dân dụng (cấp công trình từ cấp II trở xuống); Định giá xây dựng (cấp công trình từ cấp III trở xuống). 2. Giám định tư pháp về chi phí xây dựng công trình (cấp công trình từ cấp III trở xuống).	Trung tâm Quy hoạch và Kiểm định xây dựng - Sở Xây dựng	

10	Đỗ Văn Nhâm	01/6/1968	1. Giám định tư pháp về sự tuân thủ các quy định của pháp luật về hoạt động đầu tư xây dựng công trình: Định giá xây dựng. 2. Giám định tư pháp về chi phí xây dựng công trình.	Trung tâm Quy hoạch và Kiểm định xây dựng - Sở Xây dựng	Cấp công trình từ cấp II trở xuống
11	Nguyễn Hữu Vinh	01/02/1989	1. Giám định tư pháp về sự tuân thủ các quy định của pháp luật về hoạt động đầu tư xây dựng công trình: Thiết kế cơ - điện công trình dân dụng, nhà công nghiệp. 2. Giám định tư pháp về chất lượng thiết kế xây dựng công trình: Cơ điện công trình dân dụng, nhà công nghiệp. 3. Giám định chất lượng công trình xây dựng, bộ phận công trình xây dựng; giám định nguyên nhân sự cố công trình xây dựng, nguyên nhân hư hỏng công trình xây dựng: Cơ - điện công trình dân dụng, nhà công nghiệp.	Trung tâm Quy hoạch và Kiểm định xây dựng - Sở Xây dựng	Bổ sung
12	Nguyễn Hồng Hải	18/10/1984	1. Giám định tư pháp về sự tuân thủ các quy định của pháp luật về hoạt động đầu tư xây dựng công trình: Thiết kế xây dựng công trình hạ tầng	Trung tâm Quy hoạch và Kiểm định xây dựng - Sở Xây dựng	Cấp công trình từ cấp II trở xuống

			kỹ thuật (cấp nước, thoát nước). 2. Giám định tư pháp về chất lượng thiết kế xây dựng công trình: Hạ tầng kỹ thuật (cấp nước, thoát nước). 3. Giám định chất lượng công trình xây dựng, bộ phận công trình xây dựng; giám định nguyên nhân sự cố công trình xây dựng, nguyên nhân hư hỏng công trình xây dựng: Hạ tầng kỹ thuật (cấp nước, thoát nước).		
13	Nguyễn Quốc Cường	19/7/1974	1. Giám định tư pháp về sự tuân thủ các quy định của pháp luật về hoạt động đầu tư xây dựng công trình: Thiết kế kết cấu công trình dân dụng, nhà công nghiệp; Định giá xây dựng. 2. Giám định tư pháp về chất lượng thiết kế xây dựng công trình: Kết cấu công trình dân dụng, nhà công nghiệp. 3. Giám định chất lượng công trình xây dựng, bộ phận công trình xây dựng; giám định nguyên nhân sự cố công trình xây dựng, nguyên nhân hư hỏng công trình xây dựng: Kết cấu công trình dân dụng, nhà công nghiệp.	Trung tâm Quy hoạch và Kiểm định xây dựng - Sở Xây dựng	Cấp công trình từ cấp II trở xuống

			4. Giám định tư pháp về chi phí xây dựng công trình.		
14	Trần Văn Hùng	24/5/1985	1. Giám định tư pháp về sự tuân thủ các quy định của pháp luật về hoạt động đầu tư xây dựng công trình: Thiết kế kết cấu công trình dân dụng, nhà công nghiệp; Giám sát công tác xây dựng công trình dân dụng, nhà công nghiệp. 2. Giám định tư pháp về chất lượng thiết kế xây dựng công trình: Kết cấu công trình dân dụng, nhà công nghiệp. 3. Giám định chất lượng công trình xây dựng, bộ phận công trình xây dựng; giám định nguyên nhân sự cố công trình xây dựng, nguyên nhân hư hỏng công trình xây dựng: Kết cấu công trình dân dụng, nhà công nghiệp.	Trung tâm Quy hoạch và Kiểm định xây dựng - Sở Xây dựng	Cấp công trình từ cấp III trở xuống
15	Ngô Thành Đạt	25/4/1978	1. Giám định tư pháp về sự tuân thủ các quy định của pháp luật về hoạt động đầu tư xây dựng công trình: Thiết kế kết cấu công trình dân dụng, nhà công nghiệp; Giám sát công tác xây dựng công trình dân dụng.	Trung tâm Quy hoạch và Kiểm định xây dựng - Sở Xây dựng	Cấp công trình từ cấp II trở xuống

			2. Giám định tư pháp về chất lượng thiết kế xây dựng công trình: Kết cấu công trình dân dụng. 3. Giám định chất lượng công trình xây dựng, bộ phận công trình xây dựng; giám định nguyên nhân sự cố công trình xây dựng, nguyên nhân hư hỏng công trình xây dựng: Kết cấu công trình dân dụng		
16	Trần Xuân Vũ	15/5/1981	1. Giám định tư pháp về sự tuân thủ các quy định của pháp luật về hoạt động đầu tư xây dựng công trình: Thiết kế kết cấu công trình dân dụng, nhà công nghiệp; Giám sát công tác xây dựng công trình dân dụng. 2. Giám định tư pháp về chất lượng thiết kế xây dựng công trình: Kết cấu công trình dân dụng, nhà công nghiệp. 3. Giám định chất lượng công trình xây dựng, bộ phận công trình xây dựng; giám định nguyên nhân sự cố công trình xây dựng, nguyên nhân hư hỏng công trình xây dựng: Kết cấu công trình dân dụng.	Trung tâm Quy hoạch và Kiểm định xây dựng - Sở Xây dựng	Cấp công trình từ cấp III trở xuống

17	Phạm Khôi	10/4/1978	Giám định tư pháp về sự tuân thủ các quy định của pháp luật về quy hoạch xây dựng.	Trung tâm Quy hoạch và Kiểm định xây dựng - Sở Xây dựng	Cấp công trình từ cấp III trở xuống
18	Phạm Thị Ngọc Diệp	25/9/1978	1. Giám định tư pháp về sự tuân thủ các quy định của pháp luật về quy hoạch xây dựng. 2. Giám định tư pháp về sự tuân thủ các quy định của pháp luật về hoạt động đầu tư xây dựng công trình: Thiết kế kiến trúc công trình dân dụng, nhà công nghiệp. 3. Giám định tư pháp về chất lượng thiết kế xây dựng công trình: Kiến trúc công trình dân dụng, nhà công nghiệp. 4. Giám định chất lượng công trình xây dựng, bộ phận công trình xây dựng; giám định nguyên nhân sự cố công trình xây dựng, nguyên nhân hư hỏng công trình xây dựng: Kiến trúc công trình dân dụng, nhà công nghiệp.	Trung tâm Quy hoạch và Kiểm định xây dựng - Sở Xây dựng	Đồ án quy hoạch do UBND cấp tỉnh, UBND cấp huyện phê duyệt

19	Nguyễn Thị Kim Liên	28/10/1980	Giám định tư pháp về sự tuân thủ các quy định của pháp luật về quy hoạch xây dựng.	Trung tâm Quy hoạch và Kiểm định xây dựng - Sở Xây dựng	Đồ án quy hoạch do UBND cấp tỉnh, UBND cấp huyện phê duyệt. Cấp công trình từ cấp II trở xuống.
20	Trương Hoàng Bảo	29/8/1985	1. Giám định tư pháp về sự tuân thủ các quy định của pháp luật về hoạt động đầu tư xây dựng công trình: Khảo sát địa hình (theo Luật Xây dựng) 2. Giám định tư pháp về chất lượng xây dựng công trình: Khảo sát địa hình (theo Luật Xây dựng).	Trung tâm Quy hoạch và Kiểm định xây dựng - Sở Xây dựng	Đồ án quy hoạch do UBND cấp tỉnh, UBND cấp huyện phê duyệt
21	Hà Tuấn Kiệt	10/08/1972	Giám định tư pháp về sự tuân thủ các quy định của pháp luật về hoạt động đầu tư xây dựng: Giám sát công tác xây dựng công trình dân dụng, nhà công nghiệp; Quản lý dự án đầu tư	Công ty TNHH TVTK&XD Huy Hoàng	Cấp công trình từ cấp II trở

			xây dựng công trình dân dụng, nhà công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật		xuống
22	Nguyễn Khanh Công	23/08/1976	Giám định tư pháp về sự tuân thủ các quy định của pháp luật về hoạt động đầu tư xây dựng: Giám sát công tác xây dựng công trình dân dụng, nhà công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật; Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng, hạ tầng kỹ thuật (dự án từ nhóm B trở xuống).	Công ty TNHH TVTK&XD Huy Hoàng	
23	Trần Trung Kiên	19/10/1984	Giám định tư pháp về sự tuân thủ các quy định của pháp luật về hoạt động đầu tư xây dựng: Giám sát công tác xây dựng công trình dân dụng (cấp công trình từ cấp II trở xuống); Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng, hạ tầng kỹ thuật (dự án từ nhóm B trở xuống)	Công ty TNHH TVTK&XD Huy Hoàng	
24	Trương Tấn Toàn	02/09/1993	Giám định tư pháp về sự tuân thủ các quy định của pháp luật về hoạt động đầu tư xây dựng: Giám sát công tác xây dựng công trình dân dụng, nhà công nghiệp; Quản lý dự	Công ty TNHH TVTK&XD Huy Hoàng	

			án đầu tư xây dựng công trình dân dụng.		
25	Nguyễn Ngọc Thạch	30/04/1990	Giám định tư pháp về sự tuân thủ các quy định của pháp luật về hoạt động đầu tư xây dựng: Giám sát công tác xây dựng công trình dân dụng (cấp công trình từ cấp II trở xuống), nhà công nghiệp (cấp công trình từ cấp III trở xuống)	Công ty TNHH TVTK&XD Huy Hoàng	Cấp công trình từ cấp III trở xuống
26	Lê Văn Trúc	10/09/1985	1. Giám định tư pháp về sự tuân thủ các quy định của pháp luật về hoạt động đầu tư xây dựng: Thiết kế kết cấu công trình; Giám sát công tác xây dựng công trình dân dụng, nhà công nghiệp. 2. Giám định tư pháp về chất lượng thiết kế xây dựng: Kết cấu công trình. 3. Giám định nguyên nhân sự cố công trình xây dựng, nguyên nhân hư hỏng công trình xây dựng: Kết cấu công trình dân dụng, nhà công nghiệp.	Công ty TNHH TVTK&XD Huy Hoàng	
27	Hà Văn Bảo	09/12/1980	1. Giám định tư pháp về sự tuân thủ các quy định của pháp luật về quy hoạch xây dựng (Đồ án quy hoạch	Công ty TNHH TVTK&XD Huy Hoàng	Cấp công trình từ cấp II trở xuống

			do UBND cấp tỉnh, UBND cấp huyện phê duyệt). 2. Giám định tư pháp về sự tuân thủ các quy định của pháp luật về hoạt động đầu tư xây dựng: Giám sát công tác xây dựng công trình dân dụng, nhà công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật.		
28	Dương Quốc Huy	12/07/1992	1. Giám định tư pháp về sự tuân thủ các quy định của pháp luật về hoạt động đầu tư xây dựng: Thiết kế kiến trúc công trình. 2. Giám định tư pháp về chất lượng thiết kế xây dựng: Thiết kế kiến trúc công trình.	Công ty TNHH TVTK&XD Huy Hoàng	
29	Nguyễn Thị Kim Phụng	07/08/1989	Giám định tư pháp về sự tuân thủ các quy định của pháp luật về hoạt động đầu tư xây dựng: Định giá xây dựng.	Công ty TNHH TVTK&XD Huy Hoàng	
30	Trương Thị Ân	10/08/1984	1. Giám định tư pháp về sự tuân thủ các quy định của pháp luật về hoạt động đầu tư xây dựng: Thiết kế cấp thoát nước công trình dân dụng (cấp công trình từ cấp II trở xuống); Giám sát công tác lắp đặt thiết bị cấp thoát nước vào công trình (cấp công trình	Công ty TNHH TVTK&XD Huy Hoàng	Cấp công trình từ cấp III trở xuống

			từ cấp II trở xuống); Giám sát công tác xây dựng công trình HTKT (cấp thoát nước; cấp công trình từ cấp III trở xuống). 2. Giám định tư pháp về chất lượng thiết kế xây dựng: Cấp thoát nước công trình dân dụng (cấp công trình từ cấp II trở xuống). 3. Giám định nguyên nhân sự cố công trình xây dựng, nguyên nhân hư hỏng công trình xây dựng: Cấp thoát nước công trình dân dụng (cấp công trình từ cấp II trở xuống).		
31	Võ Tấn Duy	05/06/1991	1. Giám định tư pháp về sự tuân thủ các quy định của pháp luật về hoạt động đầu tư xây dựng: Khảo sát địa hình (theo Luật Xây dựng). 2. Giám định tư pháp về chất lượng thiết kế khảo sát địa hình (theo Luật Xây dựng).	Công ty TNHH TVTK&XD Huy Hoàng	
32	Huỳnh Thanh Huy	19/08/1992	Giám định tư pháp về sự tuân thủ các quy định của pháp luật về hoạt động đầu tư xây dựng: Giám sát công tác xây dựng công trình dân dụng, hạ tầng kỹ thuật (thoát nước, công viên cây xanh)	Công ty TNHH TVTK&XD Huy Hoàng	Cấp công trình từ cấp III trở xuống

33	Lê Quang Thanh	01/11/1988	Giám định tư pháp về sự tuân thủ các quy định của pháp luật về hoạt động đầu tư xây dựng: Giám sát công tác xây dựng công trình dân dụng, nhà công nghiệp.	Công ty TNHH TVTK&XD Huy Hoàng	Cấp công trình từ cấp III trở xuống
34	Nguyễn Như Quân	10/11/1994	1. Giám định tư pháp về sự tuân thủ các quy định của pháp luật về hoạt động đầu tư xây dựng: Thiết kế kết cấu công trình; Giám sát công tác xây dựng công trình dân dụng, nhà công nghiệp. 2. Giám định tư pháp về chất lượng thiết kế xây dựng: Kết cấu công trình. 3. Giám định nguyên nhân sự cố công trình xây dựng, nguyên nhân hư hỏng công trình xây dựng: Kết cấu công trình dân dụng, nhà công nghiệp.	Công ty TNHH TVTK&XD Huy Hoàng	Cấp công trình từ cấp III trở xuống
35	Trần Thanh Quốc	02/09/1986	1. Giám định tư pháp về sự tuân thủ các quy định của pháp luật về hoạt động đầu tư xây dựng: Thiết kế cơ - điện công trình dân dụng; Giám sát công tác lắp đặt thiết bị điện vào công trình. 2. Giám định nguyên nhân sự cố	Công ty TNHH TVTK&XD Huy Hoàng	Cấp công trình từ cấp III trở xuống (Nghỉ việc)

			công trình xây		
36	Trần Tuấn Anh	21/08/1992	Giám định tư pháp về sự tuân thủ các quy định của pháp luật về hoạt động đầu tư xây dựng: Giám sát công tác lắp đặt thiết bị điện vào công trình.	Công ty TNHH TVTK&XD Huy Hoàng	Cấp công trình từ cấp III trở xuống (Nghỉ việc)
IX	Lĩnh vực Thi hành án (01 người giám định tư pháp theo vụ việc)				
1	Võ Văn Hưởng	22/05/1978	Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai	Thi hành án dân sự	

PHỤ LỤC 5
DANH SÁCH HỦY BỎ CÔNG NHẬN NGƯỜI GIÁM ĐỊNH TƯ PHÁP
THEO VỤ VIỆC TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH GIA LAI

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng 01 năm 2026 của UBND tỉnh Gia Lai)

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Lĩnh vực giám định	Điều chỉnh Đơn vị công tác	Ghi chú
I	Lĩnh vực Tài chính (<i>hủy bỏ công nhận 02 người giám định tư pháp theo vụ việc</i>)				
01	Nguyễn Thị Mai Anh	05/11/1973		Sở Tài chính	Đã nghỉ hưu theo Quyết định số 60/QĐ-STC ngày 11/7/2025 của Sở Tài chính
02	Lê Quang Nghĩa	10/4/1981	Kế toán	Sở Tài chính	Chuyển đổi vị trí công tác theo Quyết định số 05/QĐ-STC ngày 01/7/2025 về việc bổ nhiệm Chánh Văn phòng Sở Tài chính

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Lĩnh vực giám định	Điều chỉnh Đơn vị công tác	Ghi chú
II	Lĩnh vực Văn hoá, thể thao và Du lịch (<i>hủy bỏ công nhận 02 người giám định tư pháp theo vụ việc</i>)				
1	Lê Mạnh Phi	20/9/1982	Du lịch	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Chuyển công tác theo Quyết định số 397/QĐ-SVHTTDL ngày 02/6/2025 của Sở Văn hoá, thể thao và Du lịch
2	Từ Như Huyền Trân	06/8/1966	Di sản	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Nghỉ hưu theo Quyết định số 516/QĐ-SVHTTDL ngày 30/6/2025 của Sở Văn hoá, thể thao và Du lịch
III	Lĩnh vực Khoa học và Công nghệ (<i>hủy bỏ công nhận 01 người giám định tư pháp theo vụ việc</i>)				
1	Phạm Ngọc Thái	14/6/1976	Báo chí	Sở Khoa học và Công nghệ	Chuyển công tác theo quyết định số 552/QĐ-UBND ngày 19/02/2025

IV	Lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường <i>(hủy bỏ công nhận 06 người giám định tư pháp theo vụ việc)</i>				
1	Tạ Anh Tuấn	19/7/1974	Lâm nghiệp	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Nghỉ theo chế độ 178 theo Quyết định số 2074/QĐ-UBND ngày 05/10/2025 Phụ lục I, mục II, thứ tự 13
2	Ngô Thanh Bình	16/4/1968	Thủy lợi	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Nghỉ theo chế độ 178 theo Quyết định số 2074/QĐ-UBND ngày 05/10/2025 Phụ lục I, mục II, thứ tự 12
3	Trần Kỳ Quang	31/12/1964	Quản lý đất đai	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Nghỉ theo chế độ 178 theo Quyết định số 2293/QĐ-UBND ngày 27/6/2025
4	Huỳnh Phúc Nguyên	02/02/1968	Quản lý đất đai	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Nghỉ theo chế độ 178 theo

					Quyết định số 2074/QĐ- UBND ngày 05/10/2025 Phụ lục I, mục II, thứ tự 8
5	Lê Quang Tình	28/10/1980	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Chuyển công tác theo số:444 /TB- TTT ngày 28/5/2025 Phụ lục, mục IV, thứ tự 18
6	Nguyễn Hữu Tùng	27/01/1981	Chăn nuôi - Thú y	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Chuyển công tác theo số:444 /TB- TTT ngày 28/5/2025 Phụ lục, mục IV, thứ tự 19